



**TỔNG CỤC CHÍNH TRỊ
THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI**



THU MỤC

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI

SỐ $\frac{4}{2020}$

Chỉ đạo nội dung:
Đại tá, Thạc sỹ Trần Thị Bích Huệ

Biên tập:
Trung tá, Thạc sỹ Trần Nữ Quế Phương

Thực hiện:
Thiếu tá CN, Cử nhân Nguyễn Thị Thu Hà
Thượng úy CN, Cử nhân Bùi Khắc Phúc

Thiết kế bìa:
Thiếu tá CN, Kỹ sư Trần Mạnh Hà

Lời giới thiệu

Nhằm giúp bạn đọc nắm được nguồn tài liệu mới nhập về Thư viện Quân đội, chúng tôi biên soạn và cấp phát đến các thư viện trong toàn quân “**Thư mục thông báo tài liệu mới**” số 4 - 2020.

Thư mục TBTLM gồm 2 phần:

- Phần I: Danh mục tài liệu mới: Giới thiệu sách quốc văn, ngoại văn, luận văn và tư liệu mới nhập về Thư viện Quân đội.

- Phần II: Điểm sách.

Tài liệu trong Thư mục được sắp xếp theo nội dung và ngôn ngữ.

Thư viện Quân đội rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp và bạn đọc.

Mọi ý kiến xin gửi về:

PHÒNG THÔNG TIN - THƯ MỤC - MÁY TÍNH

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI

83 Lý Nam Đế - Hà Nội

Điện thoại: 069.554556

Email: Thuvienquandoi@mail.bqp

Thuvienquandoi@gmail.com (Internet)

THÔNG BÁO TÀI LIỆU MỚI số 4/2020 giới thiệu 312 tài liệu, bằng ngôn ngữ tiếng Việt, Anh và Nga, trong đó có 228 tài liệu tiếng Việt, 65 tài liệu tiếng Anh và 19 tài liệu tiếng Nga được phân chia theo các nhóm ngành như sau:

- Tổng quát: 06 tài liệu
- Triết học và tâm lý học: 08 tài liệu
- Tôn giáo: 01 tài liệu
- Khoa học xã hội: 220 tài liệu
- Khoa học tự nhiên: 02 tài liệu
- Công nghệ: 17 tài liệu
- Nghệ thuật và giải trí: 03 tài liệu
- Văn học: 32 tài liệu
- Lịch sử và địa lý: 23 tài liệu

PHẦN I: DANH MỤC TÀI LIỆU MỚI

000 - TỔNG QUÁT

001. *Giáo trình công nghệ thông tin*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Khánh Phương chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 184tr.; 27cm.

004.0711 Gi-108T/LCV.0001919 - LCV.0001920; M.174013 - M.174014 - M.174015; V.0017303 - V.0017304

002. *Thư mục chuyên đề xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh về chính trị*/ *Trần Thị Bích Huệ chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 606tr.; 24cm.

016.355009597 Th550M/M.174281 - M.174282 - M.174283; MP.0034886 - MP.0034887

003. *Fortress Russia*: Conspiracy Theories in Post-Soviet Russia/ *Ilya Yablokov*. - Cambridge: Polity, 2018. - 232p.; 23cm.

001.90947 F434R/AV.0012407

070 - Phương tiện truyền thông

004. *Góp phần xây dựng đạo đức, văn hóa trong Đảng*: Tuyển tập chuyên luận báo chí về xây dựng, chỉnh đốn Đảng/ *Nguyễn Văn Hải*. - H.: Quân đội nhân dân, 2020. - 283tr.; 21cm.

070.4493242597075 G434P/M.173571; VN.0080741 - VN.0080742

005. *Tác nghiệp báo chí trong môi trường truyền thông hiện đại*/ *Nguyễn Thành Lợi*. - Tái bản có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 278tr.; 21cm.

070.4 T101N/M.173852 - M.173853 - M.173854; MP.0034674 - MP.0034675

006. *Tuyên truyền hình ảnh Việt Nam ra thế giới qua báo chí đối ngoại*/ *Lưu Trần Toàn*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 196tr.; 21cm.

070.4493058009597 T527T/M.173828 - M.173829 - M.173830; MP.0034658 - MP.0034659

100 - TRIẾT HỌC VÀ TÂM LÝ HỌC

150 - Tâm lý học

007. *Giáo trình tâm lý học quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Đặng Duy Thái chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 282tr.; 27cm.

150.711 Gi-108T/LCV.0001892 - LCV.0001893; M.173989 - M.173990 - M.173991; V.0017285 - V.0017286

008. *Giáo trình tâm lý học trong hoạt động lãnh đạo, quản lý và kỹ năng lãnh đạo, quản*

lý: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Bùi Mạnh Hải chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 276tr.; 27cm.

150.711 Gi-108T/LCV.0001972 - LCV.0001973; M.174019 - M.174020 - M.174021; V.0017309 - V.0017310

153 - Ý thức

009. *Smart choices:* A practical guide to making better decisions/ *John S. Hamond.* - Boston: Havard business review press, 1999. - 244p.; 22cm.

153.83 A100P/A.0013108

158 - Tâm lý học ứng dụng

010. *Giáo trình phương pháp nghiên cứu tâm lý học quân sự:* Dùng cho đào tạo giảng viên chuyên ngành tâm lý học quân sự/ *Nguyễn Văn Tuấn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 162tr.; 27cm.

158.0711 Gi-108T/LCV.0002167 - LCV.0002168; M.173998 - M.173999 - M.174000; V.0017291 - V.0017292

011. *Giáo trình tâm lý học nghệ thuật:* Dùng cho đào tạo cán bộ văn hóa nghệ thuật, trình độ đại học/ *Chủ biên: Nguyễn Học Từ, Nguyễn Thị Tĩnh.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 127tr.; 27cm.

158.0711 Gi-108T/LCV.0001885; M.174034 - M.174035 - M.174036; V.0017325 - V.0017326

160 - Logic triết học

012. *Lôgic học biện chứng và sự phát triển của khoa học:* Sách chuyên khảo/ *Lê Văn Doán.* - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 271tr.; 24cm.

160 L451H/M.173529 - M.173530 - M.173531; MP.0034512; V.0017203 - V.0017204

170 - Đạo đức học

013. *Đạo đức học Mác - Lênin và giáo dục đạo đức:* Dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng ngành sư phạm/ *Chủ biên: Trần Đăng Sinh, Nguyễn Thị Thọ.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 187tr.; 21cm.

170.711 Đ108Đ/M.174090 - M.174091 - M.174092; MP.0034819 - MP.0034820; VN.0080869 - VN.0080870

190 - Triết học phương tây hiện đại

014. *Triết học pháp quyền/ G. W. F. Hegel; Phạm Chiến Khu dịch.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 683tr.; 21cm.

193 Tr308H/M.173559 - M.173560 - M.173561; MP.0034520; VN.0080733 - VN.0080734

200 - TÔN GIÁO

015. *Finding faith in foreign policy*: Religion American diplomacy in a postsecular world/ *Gregorio Bettiza*. - New York: Oxford University press, 2019. - 318p.; 24cm.
201.727 F311F/AV.0012379

300 - KHOA HỌC XÃ HỘI

016. *Đặc trưng văn hóa Mỹ và sự tác động tới chính sách đối ngoại của Mỹ*: Sách tham khảo/ *Nguyễn Thái Yên Hương chủ biên*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 311tr.; 21cm.
306.0973 Đ113T/M.174099 - M.174100 - M.174101; MP.0034824; VN.0080875 - VN.0080876

017. *Giáo trình dân tộc học và tôn giáo học*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Trần Đức Luân chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 140tr.; 27cm.
305.80711 Gi-108T/LCV.0001974 - LCV.0001975; M.174022 - M.174023 - M.174024; V.0017311 - V.0017312

018. *Giáo trình xã hội học*: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Trần Minh Chiến chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 219tr.; 27cm.
301.0711 Gi-108T/LCV.0001888 - LCV.0001889; M.173995 - M.173996 - M.173997; V.0017289 - V.0017290

019. *Hội cựu chiến binh Thành phố Hà Nội - 30 năm xây dựng và phát triển (1989 - 2019)*: *Tô Kiều Thắm chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 566tr.; 22cm.
305.9069706059731 H452C/MP.0034888 - MP.0034889; VN.0080903 - VN.0080904

020. *Internet - Mạng lưới xã hội và sự thể hiện bản sắc*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thị Phương Châm*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 306tr.; 21cm.
302.231 I-000M/M.173932 - M.173933 - M.173934; MP.0034733 - MP.0034734

021. *Quản lý phát triển xã hội Việt Nam*: Thực trạng, vấn đề đặt ra và định hướng chính sách/ *Phạm Quang Minh chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 219tr.; 24cm.
303.4409597 Qu105L/M.173538 - M.173539 - M.173540; MP.0034515; V.0017209 - V.0017210

022. *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Hội Cựu chiến binh ở cơ sở*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 168tr.; 19cm.
305.90697060597 T103L/M.174123 - M.174124 - M.174125; MP.0034832; VN.0080891 - VN.0080892

023. *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Hội Liên hiệp Phụ nữ cơ sở*. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 212tr.; 19cm.

**305.4060597 T103L/M.174120 - M.174121 - M.174122; MP.0034831;
VN.0080889 - VN.0080890**

024. Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Hội Nông dân ở cơ sở. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 160tr.; 19cm.

**305.5633060597 T103L/M.174114 - M.174115 - M.174116; MP.0034829;
VN.0080885 - VN.0080886**

025. Văn hóa tộc người Dao: Sách tham khảo/ *Chu Thái Sơn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 198tr.; 21cm.

**305.89597 V115H/LC.0014956 - LC.0014957; M.173947 - M.173948 -
M.173949; MP.0034739 - MP.0034740**

026. *Acting politics*: A critical sociology of the political field/ *Alfredo Joignant*. - London: Routledge, 2019. - 202p.; 24cm.

306.2 A100C/AV.0012399

027. *Essentials of sociology*/ *Anthony Giddens, Mitchell Duneier, Richard P. Appelbaum, Deborah Carr*. - 5th Edition. - New York: Norton, 2015. - 535p.; 28cm.

301 E206O/AV.0012386

028. *Popular protest in China*/ *Teresa Wright*. - Cambridge: Polity, 2018. - 249p.; 22cm.

303.4840951 P434P/A.0013111

029. *Republicanism in Russia*: Community before and after communism/ *Oleg Kharkhordin*. - Cambridge: Havard University press, 2018. - 307p.; 24cm.

306.20947 R206I/AV.0012381

030. *Will China dominate the 21st century?*/ *Jonathan Fendby*. - Second editon. - Cambridge: Polity, 2017. - 141p.; 19cm.

303.4951 W309C/A.0013117

320 - Khoa học chính trị

031. Biên giới trên đất liền Việt Nam - Campuchia: Hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển: Tài liệu tuyên truyền. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 119tr.; 21cm.

**320.120959709596 B305G/M.174093 - M.174094 - M.174095; MP.0034821
- MP.0034822; VN.0080871 - VN.0080872**

032. Cán bộ, Đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải đề cao trách nhiệm, gương mẫu đi đầu. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 98tr.; 19cm.

**324.2597075 C105B/M.174129 - M.174130 - M.174131; MP.0034834 -
MP.0034835; VN.0080895 - VN.0080896**

033. 90 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2020) = 90 year of the communist party of Vietnam. - H.: Thông tấn, 2020. - 398tr.; 25cm.

324.2597075 Ch311M/M.173526 - M.173527 - M.173528; MP.0034510 - MP.0034511; V.0017201 - V.0017202

034. Chính sách đối ngoại trung lập của Campuchia giai đoạn 1953 - 1970/ Nguyễn Thành Văn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 250tr.; 21cm.

327.596 Ch312S/M.173834 - M.173835 - M.173836; MP.0034662 - MP.0034663; VN.0080747 - VN.0080748

035. Chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông/ Hà Minh Hồng, Trần Nam Tiến,.... - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 322tr.; 21cm.

Sách cấp phát toàn quân

320.1509597 Ch500Q/M.173553 - M.173554 - M.173555; MP.0034519; VN.0080725 - VN.0080726

036. Đảng chính trị và nhóm lợi ích trong các nền dân chủ phương tây hiện đại: Sách tham khảo/ *Phan Duy Anh.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 270tr.; 21cm.

324.2 Đ106C/M.173568 - M.173569 - M.173570; MP.0034523; VN.0080739 - VN.0080740

037. Giáo trình công tác đảng, công tác chính trị: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Tạ Văn Giám chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 216tr.; 27cm.

T.2

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0001915 - LCV.0001916; M.174025 - M.174026 - M.174027; V.0017313 - V.0017314

038. Giáo trình Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa giai đoạn 1975 - 2016: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Bùi Đình Tiệp chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 291tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0001932 - LCV.0001933; M.173971 - M.173972 - M.173973; V.0017235 - V.0017236

039. Giáo trình lịch sử công tác đảng, công tác chính trị: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ *Nguyễn Văn Tượng chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 190tr.; 27cm.

324.25970750711 Gi-108T/LCV.0002169 - LCV.0002170; M.174001 - M.174002 - M.174003; V.0017293 - V.0017294

040. Giáo trình Quan hệ quốc tế: Dùng cho đào tạo cán bộ bậc đại học trong nhà trường quân đội/ *Phạm Thanh Giang chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 195tr.; 27cm

327.0711 Gi-108T/LCV.0001900 - LCV.0001901; M.173983 - M.173984 - M.173985; V.0017281 - V.0017282

041. Hướng dẫn thực hiện chương trình chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ công tác của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 164tr.; 19cm.

**320.9597 H561D/M.174126 - M.174127 - M.174128; MP.0034833;
VN.0080893 - VN.0080894**

042. *Lịch sử Đảng bộ Binh đoàn 16 (1999 - 2019)/ Hồ Sơn Đài chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 344tr.; 24cm.

324.2597075 L302S/MP.0034700 - MP.0034701; V.0017221 - V.0017222

043. *Lịch sử Đảng bộ Quân cảng Sài Gòn (1989 - 2019)/ Biên soạn: Lê Cao Thịnh,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 429tr.; 24cm.

**324.2597075 L302S/M.173427 - M.173428 - M.173429; V.0017193 -
V.0017194**

044. *Lòng dân hướng về biển, đảo.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 302tr.; 24cm.

**320.1209597 L431D/M.173864 - M.173865 - M.173866; MP.0034704 -
MP.0034705; V.0017229 - V.0017230**

045. *130 câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng cộng sản Việt Nam/ Tô Lâm.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 75tr.; 15cm.

**324.2597075 M458T/M.173575 - M.173576 - M.173577; MP.0034526;
VN.0080745 - VN.0080746**

046. *Quan hệ Việt Nam - Campuchia từ sau chiến tranh lạnh đến nay:* Trần Xuân Hiệp chủ biên. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 379tr.; 21cm.

**327.5970596 Qu105H/M.173837 - M.173838 - M.173839; MP.0034664 -
MP.0034665; VN.0080749 - VN.0080750**

047. *Quan hệ Việt Nam - Nhật Bản: 45 năm nhìn lại và hướng tới tương lai/ Trần Quang Minh chủ biên.* - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 405tr.; 24cm.

**327.597052 Qu105H/M.173861 - M.173862 - M.173863; MP.0034702 -
MP.0034703; V.0017227 - V.0017228**

048. *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho các bộ Mặt trận Tổ quốc ở cơ sở.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 148tr.; 19cm.

**320.9597 T103L/M.174117 - M.174118 - M.174119; MP.0034830;
VN.0080887 - VN.0080888**

049. *Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Đoàn Thanh niên ở cơ sở.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 168tr.; 19cm.

**324.2597014 T103L/M.174111 - M.174112 - M.174113; MP.0034828;
VN.0080883 - VN.0080884**

050. *Tinh thần yêu nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa/ Trần Xuân Trường.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 926tr.; 24cm.

**320.5409597 T312T/LCV.0002200 - LCV.0002201; M.173699 - M.173700 -
M.173701; V.0017269 - V.0017270**

051. Tổng kết công tác Đảng, công tác chính trị của Binh chủng Thông tin liên lạc trong thực hiện nhiệm vụ phòng, chống "Diễn biến hòa bình" (1986 - 2016). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 230tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/MP.0034688 - MP.0034689; VN.0080767 - VN.0080768

052. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị của các đơn vị Quân đoàn 2 trong một số trận chiến đấu, chiến dịch tiêu biểu, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 143tr.; 21cm.

**T.1
324.2597075 T455K/MP.0034690 - MP.0034691; VN.0080763 - VN.0080764**

053. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế của Binh chủng Thông tin liên lạc (1953 - 2014). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 215tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/MP.0034686 - MP.0034687; VN.0080769 - VN.0080770

054. Tổng kết công tác Đảng, công tác chính trị trong thực hiện nhiệm vụ quốc tế giúp bạn Campuchia của lực lượng vũ trang Quân khu 9 (1948 - 2014). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 324tr.; 21cm.

324.2597075 T455K/LC.0014711 - LC.0014712; MP.0034678 - MP.0034679; VN.0080765 - VN.0080766

055. Việt - Lào hai nước chúng ta/ Nguyễn Văn Khoan sưu tầm, biên soạn. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 418tr.; 21cm.

327.59709594 V000L/M.173108 - M.173109 - M.173110; MP.0034676 - MP.0034677; VN.0080755 - VN.0080756

056. Việt Nam - Campuchia: Hợp tác hữu nghị và phát triển/ Nguyễn Thành Văn chủ biên. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 298tr.; 21cm.

327.5970596 V308N/M.173840 - M.173841 - M.173842; MP.0034666 - MP.0034667; VN.0080751 - VN.0080752

057. A history of Chinese political thought/ Youngmin Kim. - Cambridge: Polity, 2018. - 273p.; 24cm.

320.0951 A100H/AV.0012401

058. Brexit and British politics/ Geoffrey Evans, Anand Menon. - Cambridge: Polity, 2017. - 149p.; 22cm.

327.4104 Br207A/A.0013122

059. Can the internet strengthen democracy?/ Stephen Coleman. - Cambridge: Polity, 2017. - 142p.; 19cm.

321.8 C105T/A.0013118

060. *China and India*: Asia's emergent great powers/ *Chris Ogden*. - Cambridge: Polity, 2017. - 213p.; 24cm.

327.51 Ch311A/AV.0012400

061. *China and Russia*: The new rapprochement/ *Alexander Lukin*. - Cambridge: Polity, 2018. - 220p.; 24cm.

327.47051 Ch311A/AV.0012402

062. *Contemporary Russian politics*: An introduction/ *Neil Robinson*. - Cambridge: Polity, 2018. - 290p.; 25cm.

320.947 C431R/AV.0012396

063. *Fascism*: An introduction to comparative fascist studies/ *Roger Griffin*. - Cambridge: Polity, 2018. - 178p.; 22cm.

320.533 A105I/A.0013125

064. *Human right in China*: a social practice in the shadows of authoritarianism/ *Eva Pils*. - Cambridge: Polity, 2018. - 228p.; 22cm.

323.0951 H511R/A.0013124

065. *Libertarianism*/ *Eric Mark*. - Cambridge: Polity, 2018. - 167p.; 22cm.

320.512 L301/A.0013112

066. *National security intelligence*: Secret operations in defense of the democracies/ *Loch K. Johnson*. - 2nd ed.. - Cambridge: Polity, 2017. - 271p.; 24cm.

327.1273 N110S/AV.0012404

067. *Nuclear weapons and coercive diplomacy*/ *Todd S. Sechser, Matthew Fuhrmann*. - Cambridge: Cambridge University press, 2017. - 333p.; 23cm.

327/AV.0012377

068. *Patriotism*/ *Charles Jones, Richard Vernon*. - Cambridge: Polity, 2018. - 111p.; 22cm.

320.5 P110/A.0013130

069. *Plural international relations in a divided world*/ *Stephen Chan*. - Cambridge: Polity, 2017. - 223p.; 24cm.

327.101 PI521I/AV.0012403

070. *Political judgment: an introduction*/ *Peter J. Steinberger*. - Cambridge: Polity, 2018. - 123p.; 23cm.

320 P428J/AV.0012395

071. *Syriza in power: reflections of an accidental politician/* Costas Douzinas. - Cambridge: Polity, 2017. - 223p.; 22cm.

324.2495 S610I/A.0013121

072. *Syriza in power: reflections of an accidental politician/* Costas Douzinas. - Cambridge: Polity, 2017. - 223p.; 22cm.

324.2495 S610I/A.0013121

073. *The costs of conversation: Obstacles to peace talks in wartime/* Oriana Skylar Mastro. - New York: Cornell University press, 2019. - 197p.; 24cm.

327.172 Th200C/AV.0012383

074. *The end of American world order/* Amitav Acharya. - 2nd ed.. - Cambridge: Polity, 2018. - 217p.; 22cm.

327 Th200E/A.0013129

075. *The future of human rights/* Alison Brysk. - Cambridge: Polity, 2018. - 139p.; 22cm.

323 Th200F/A.0013114

076. *The future of intelligence/* Mark M. Lowenthal. - Cambridge: Polity, 2018. - 139p.; 22cm.

327.12 Th200F/A.0013113

077. *The Russia file: Russia and the West in an unordered world/* Daniel S. Hamilton, Stefan Meister. - Washington: Center for transatlantic relations, 2017. - 183p.; 23cm.

327.47223 R521A/AV.0012384

078. *Truth to power: A history of the U.S. national intelligence council/* Robert Hutchings, Gregory F. Treverton. - New York: Oxford University press, 2019. - 242p.; 23cm.

327.1273 Tr522T/AV.0012385

079. *War and chance: Assessing uncertainty in international politics/* Jeffrey A. Friedman. - New York: Oxford University press, 2019. - 228p.; 24cm.

327.1 W109A/AV.0012380

080. *What is Russia up to in the Middle East?/* Dmitri Trenin. - Cambridge: Polity, 2018. - 144p.; 19cm.

327.47056 Wh110I/A.0013116

081. *Мастер шлюнажа: Дай ли и китайская секретная служба/* Фредерик Вэйкман, мл.; А. Г. Фесюн перевод. - М.: Изд. дом <<Серебряные нити>>, 2018. - 653с.; 22cm.

327.12 00000/X.0027063

082. КГБ в Афганистане/ Лариса Кучерова. - М.: Яуза-пресс, 2017. - 381с.; 22см.. - (Залетные войны)

327.12 00000/X.0027059

083. Как убивают Россию/ Александр Хинштейн. - 3-е изд., исправленное и дополненное. - М.: Абрис, 2018. - 445с.; 22см.. - (Книги А. Хинштейна)

327.12 00000/X.0027069

084. Армии на современном Востоке: Научное издание/ Под ред. Д. В. Стрельцова. - М.: Издательство <<Аспект Пресс >>, 2018. - 379с.; 22см.

327 00000/X.0027062

085. Актуальные проблемы международных отношений и внешней политики в XXI веке: Монография/ Под ред. Т. В. Кашириной и В. А. Аваткова. - 2-е изд.. - М.: Издательско-торговая корпорация <<<Дашков и К>>, 2018. - 410с.; 22см.. - (Искусство военных стратегий)

327 00000/X.0027068

330 - Kinh tế học

086. Nền kinh tế di động của Trung Quốc - Những cơ hội từ sự bùng nổ tiêu dùng thông tin lớn nhất và nhanh nhất/ Winston Ma; Biên dịch: Lê Tuấn Anh, Phạm Xuân Nam,.... - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 479tr.; 21cm.

**330.0951 N254K/M.173532 - M.173533 - M.173534; MP.0034513;
V.0017205 - V.0017206**

087. Phát triển bền vững thị trường chứng khoán Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng: 9340201/ Dương Thanh Hải. - H.: Học viện Hậu cần, 2019. - 151tr.; 30cm.

332.63209597 Ph110T/LAV.0009700

088. Quái vật minotaur toàn cầu: Sách tham khảo/ Yanis Varoufakis; Biên dịch: Đỗ Đức Thọ, Nguyễn Thị Lan Anh,.... - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 337tr.; 24cm.

**338.9 Qu103V/M.173544 - M.173545 - M.173546; MP.0034517;
V.0017213 - V.0017214**

089. Sự bùng nổ của Trung Quốc: Sách tham khảo/ Ho-Fung Hung; Biên dịch: Đỗ Đức Thọ, Nguyễn Thị Lan Anh,.... - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 287tr.; 21cm.

**330.0951 S550B/M.173547 - M.173548 - M.173549; MP.0034518;
V.0017514 - V.0017515**

090. Tài liệu chuyên đề bồi dưỡng lý luận chính trị và nghiệp vụ dành cho cán bộ Công đoàn ở cơ sở. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 192tr.; 19cm.

**331.8709597 T103L/M.174108 - M.174109 - M.174110; MP.0034827;
VN.0080881 - VN.0080882**

**91. Tổ chức quản lý vệ sinh an toàn lao động tại nơi làm việc - Kỹ năng kiểm soát/ Nguyễn Đức Dân. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 205tr.; 21cm.
331.2596 T450C/M.173846 - M.173847 - M.173848; MP.0034670 - MP.0034671**

**92. Energy security/ Roland Dannreuther. - Cambridge: Polity, 2017. - 220p.; 22cm.
333.7923 E203S/A.0013123**

**93. Triple Axis: Iran's relations with Russia and China/ Dina Esfandiary, Ariane Tabatabai. - New York: I.B. Tauris, 2019. - 246p.; 22cm.
337.550 Tr313A/A.0013106**

**94. Water politics: Governing our most precious resource/ David L. Feldman. - Cambridge: polity, 2017. - 244p.; 25cm.
333.91 W110P/AV.0012397**

335 - Chủ nghĩa xã hội

**95. Di chúc Bác Hồ mãi là ánh sáng soi đường cho dân tộc Việt Nam. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 182tr.; 21cm.
335.4346 D300C/M.173562 - M.173563 - M.173564; MP.0034521; VN.0080735 - VN.0080736**

**96. Giáo trình kinh tế chính trị Mác - Lênin: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Phạm Văn Minh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 252tr.; 27cm.
335.40711 Gi-108T/LCV.0001923 - LCV.0001924; M.174016 - M.174017 - M.174018; V.0017305 - V.0017306**

**97. Giáo trình phương pháp giảng dạy triết học Mác - Lênin: Dùng cho đào tạo giáo viên chuyên ngành triết học Mác - Lênin, trình độ đại học/ Phùng Văn Thiết chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 134tr.; 27cm.
335.40711 Gi-108T/LCV.0001890 - LCV.0001891; M.173992 - M.173993 - M.173994; V.0017287 - V.0017288**

**98. Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh: Phần chính trị - xã hội: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ Vũ Đình Đắc chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 154tr.; 27cm.
335.43460711 Gi-108T/LCV.0001894 - LCV.0001895; M.173980 - M.173981 - M.173982; V.0017279 - V.0017280**

**99. Hồ Chí Minh - Một cốt cách văn hóa Việt Nam/ Lê Đình Cúc. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 149tr.; 21cm.
335.4346 H450C/M.173849 - M.173850 - M.173851; MP.0034672 - MP.0034673; VN.0080753 - VN.0080754**

100. Hồ Chí Minh bàn về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc: Trích các bài nói và viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh/ Lưu Ngọc Khải chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 187tr.; 21cm.

335.4346 H450C/M.173935 - M.173936 - M.173937; VN.0080805 - VN.0080806

101. Tấm gương Bác - Ngọc quý của mọi nhà: Quê hương nghĩa nặng tình sâu. - H.: Thanh niên, 2020. - 218tr.; 21cm.

335.4346 T120G/M.173572 - M.173573 - M.173574; MP.0034524 - MP.0034525; VN.0080743 - VN.0080744

102. Tư tưởng Hồ Chí Minh hỏi - đáp: Biên soạn theo chương trình của Bộ giáo dục và đào tạo/ Trần Thị Phúc An chủ biên. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 291tr.; 21cm.

335.43460711 T550T/M.173565 - M.173566 - M.173567; MP.0034522; VN.0080737 - VN.0080738

103. Marx/ Terrell Carver. - Cambridge: Polity, 2018. - 222p.; 24cm.

335.4092 M109/AV.0012398

340 - Luật pháp

104. Взаимодействие органов предварительного расследования российской федерации с компетентными органами иностранных государств и международными организациями: Учебно-методическое пособие/ Ю. Л. Шепелева, Клевцов К. К.. - М.: Юрлитинформ, 2017. - 182с.; 22cm.

340.0947 00000/X.0027066

341 - Luật giữa các quốc gia

105. Rethinking South China Sea disputes: The untold dimensions and great expectations/ Katherine Hui-Yi Tseng. - New York: Routledge, 2017. - 169p.; 24cm.

341.448/AV.0012376

106. Would the world be better without the UN?/ Thomas G. Weiss. - Cambridge: Polity, 2018. - 220p.; 23cm.

341.23 W435T/AV.0012405

342 - Luật hiến pháp và luật hành chính

107. Cơ chế pháp lý kiểm soát quyền lực Nhà nước trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam/ Nguyễn Minh Đoan chủ biên. - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 351tr.; 21cm.

342.59704 C460C/M.174096 - M.174097 - M.174098; MP.0034823; VN.0080873 - VN.0080874

345 - Luật hình sự

108. Chuyện pháp đình: Bình luận án/ *Đinh Văn Quế*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 599tr.; 21cm.

345.597 Ch527P/M.173819 - M.173820 - M.173821; MP.0034652 - MP.0034653

109. Thủ tục truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại và những vấn đề đặt ra khi thi hành Bộ luật tố tụng hình sự (Hiện hành): Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Ngọc Chí chủ biên*. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 395tr.; 21cm.

345.5970268 Th500T/M.173556 - M.173557 - M.173558; VN.0080731 - VN.0080732

110. Tội phạm ở Việt Nam năm 2014 và dự báo năm 2015: Sách do trung tâm nghiên cứu tội phạm học và điều tra tội phạm, Học viện Cảnh sát nhân dân và Trung tâm Thông tin chỉ huy Cục tham mưu, Tổng cục cảnh sát phòng, chống tội phạm thực hiện/ *Nguyễn Minh Đức chủ biên*. - H.: Công an nhân dân, 2014. - 319tr.; 21cm.

345.59703/.0080255 - .0080256

346 - Luật tư

111. Luật nuôi con nuôi (Hiện hành). - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 46tr.; 19cm.

346.5970178 L504N/M.174132 - M.174133 - M.174134; MP.0034836; VN.0080897 - VN.0080898

112. Luật nuôi con nuôi (Hiện hành) và văn bản hướng dẫn thi hành. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 214tr.; 21cm.

346.5970178 L504N/M.174105 - M.174106 - M.174107; MP.0034826; VN.0080879 - VN.0080880

350 - Hành chính và quân sự

355 - Quân sự

113. Bảo đảm Hậu cần - Kỹ thuật cho lực lượng vũ trang địa phương huyện ven biển phía Bắc trong tác chiến chống đổ bộ đường biển: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Đông Minh Duy*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 105tr.; 30cm + + phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009685

114. Bảo đảm hậu cần bộ đội biên phòng tỉnh Đắk Nông thực hiện nhiệm vụ A3: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Nguyễn Văn Hòa*. - 2018; H.: Học viện Hậu cần. - 100tr.; 30cm + + phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009704

115. Bảo đảm hậu cần cho lực lượng vũ trang địa phương đánh địch tiến công đường

bộ trong tác chiến phòng thủ tỉnh: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Hoàng Trung Kiên*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 94tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009705

116. Bảo đảm hậu cần lữ đoàn pháo binh chiến dịch tham gia chiến dịch tiến công trong tác chiến phòng thủ quân khu: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Nguyễn Văn Hùng*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 97tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009681

117. Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh phòng ngự ở địa hình trung du: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860219/ *Trần Đức Thắng*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 81tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009694

118. Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh tiến công địch đổ bộ đường không ở địa hình trung du: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 60862018/ *Dương Văn Chính*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 100tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009711

119. Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự đô thị: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 60860226/ *Nguyễn Như Thành*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 98tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009680

120. Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh tiến công địch phòng ngự ở địa hình đồng bằng sông Cửu Long chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Võ Văn Thành*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 99tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009697

121. Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ binh vận động phục kích ở địa hình đồng bằng Bắc Bộ: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Phạm Quang Điện*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 88tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009690

122. Bảo đảm hậu cần trung đoàn bộ đội địa phương đánh địch đột nhập khu vực phòng thủ then chốt tỉnh biên giới miền Đông Nam Bộ: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Trịnh Văn Chiến*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 87tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009695

123. Bảo đảm hậu cần trung đoàn pháo phòng không bảo vệ giao thông vận chuyển: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Vũ Mạnh Hùng*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 80tr.; 30cm ++ phụ lục
355.41109597 B108Đ/LAV.0009698

124. Bảo đảm vật chất hậu cần cho lực lượng vũ trang địa phương đánh địch tiến công giữ vững khu vực phòng thủ then chốt trong tác chiến phòng thủ tỉnh: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8862018/ Nguyễn Xuân Năng. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 93tr.; 30cm ++ phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009682

125. Bảo đảm vật chất quân nhu và bảo đảm ăn uống trung đoàn bộ binh tiến công địch đổ bộ đường không bằng nhảy dù: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Phạm Văn Hưng. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 94tr.; 30cm ++ phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009691

126. Bảo đảm vật chất quân nhu và bảo đảm ăn uống trung đoàn bộ binh vận động tiến công ở địa hình trung du: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 60860226/ Lê Quang Vinh. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 89tr.; 30cm ++ phụ lục

355.809597 B108Đ/LAV.0009708

127. Bảo đảm vệ sinh an toàn trong ăn uống và tăng gia sản xuất ở trung đoàn bộ binh: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Ngô Bá Cường. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 99tr.; 30cm ++ phụ lục

355.809597 B108Đ/LAV.0009689

128. Bảo đảm xăng dầu Lữ đoàn Vận tải 972 thực hiện nhiệm vụ vận chuyển chiến lược trong điều kiện thời bình: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Đỗ Thế Hùng. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 92tr.; 30cm ++ phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009686

129. Bảo đảm xăng dầu trung đoàn pháo phòng không bảo vệ mục tiêu yếu địa trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Phạm Hoàng Dương. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 88tr.; 30cm ++ phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009683

130. Bảo đảm xăng dầu trung đoàn Rada phòng không tham gia bảo vệ mục tiêu yếu địa trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Nguyễn Đức Thịnh. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 91tr.; 30cm ++ phụ lục

355.41109597 B108Đ/LAV.0009707

131. Bộ Tham mưu Tổng cục Kỹ thuật - Biên niên sự kiện (2001 - 2019)/ Hoàng Xuân Tời chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 483tr.; 24cm.

355.009597 B450T/MP.0034884 - MP.0034885; V.0017405 - V.0017406

132. Chuẩn bị vật chất hậu cần bảo đảm cho lực lượng vũ trang địa phương tác chiến phòng thủ tỉnh Bo Ly Khăm Xay: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Khăm Luổng Thum Ma La. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 85tr.; 30cm ++ phụ lục

355.809594 Ch502B/LAV.0009688

133. Chuyên đề xây dựng tình đồng chí, đồng đội trong Quân đội nhân dân Việt Nam theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh: Tài liệu học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong quân đội/ *Nguyễn Văn Đức chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 63tr.; 19cm.

355.009597 Ch527Đ/LC.0014736 - LC.0014737; MP.0034573 - MP.0034574; VN.0080703 - VN.0080704

134. Công tác chính sách trong Quân đội nhân dân Việt Nam: Biên niên sự kiện (2001 - 2017). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 1035tr.; 22cm.

355.009597 C455T/MP.0034557 - MP.0034558; VN.0080687 - VN.0080688

135. Công tác phụ nữ trong Quân đội nhân dân Việt Nam. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 202tr.; 19cm.

355.008209597 C455T/MP.0034745 - MP.0034746; VN.0080811 - VN.0080812

136. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hoa tiêu Tân Cảng - 10 năm xây dựng và phát triển (2008 - 2018)/ Biên soạn: Phạm Xuân Đông,.... - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 106tr.; 23cm.

359.009597 C455T/M.173690 - M.173691 - M.173692; V.0017267 - V.0017268

137. Cục Xe - Máy - Biên niên sự kiện/ Nguyễn Minh Tuấn chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 425tr.; 21cm.

T.3: 1996 - 2015

355.009597 C506X/LC.0015044 - LC.0015045; MP.0034726 - MP.0034727; VN.0080785 - VN.0080786

138. Danh nhân quân sự Việt Nam/ Đỗ Ngọc Tuyên chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018.; 21cm.

T.7 - 527tr.

355.00922597 D107N/LC.0014771 - LC.0014772; M.173923 - M.173924 - M.173925; VN.0080791 - VN.0080792

T.8 - 427tr.

355.00922597 D107N/M.174290 - M.174291 - M.174292; VN.0080913 - VN.0080914

139. Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 75 năm Ngày truyền thống Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12.1944 - 22.12.2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 90tr.; 19cm.

355.009597 Đ250C/M.174308 - M.174309 - M.174310; VN.0080925 - VN.0080926

140. *Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học xã hội và nhân văn ở các học viện, nhà trường quân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ Nguyễn Thanh Tịnh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 152tr.; 21cm.

355.00711597 Đ452M/M.173929 - M.173930 - M.173931; VN.0080803 - VN.0080804

141. *Đường lối quân sự của Đảng - Lịch sử hình thành, phát triển và nội dung cơ bản*/ Vũ Quang Hiến. - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - tr.; cm.

355.009597 Đ561L/M.173541 - M.173542 - M.173543; MP.0034516; V.0017211 - V.0017212

142. *Giải pháp tổ chức sản xuất rau an toàn ở trung đoàn bộ binh đóng quân trên địa bàn trung du phía Bắc*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860219/ Hà Phúc Toàn. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 104tr.; 30cm + + phụ lục

355.41109597 Gi-103P/LAV.0009687

143. *Giáo trình công tác tham mưu huấn luyện, chiến đấu phòng thủ xã, phường, thị trấn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Nguyễn Minh Lương chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 156tr.; 27cm.

T.1

355.50711 Gi-108T/LCV.0001945 - LCV.0001946; MP.0034785 - MP.0034786; V.0017297 - V.0017298

144. *Giáo trình học thuyết Mác - Lênin về chiến tranh và quân đội*: Dùng cho đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trình độ đại học/ Nguyễn Văn Quyền chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 150tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/M.174004 - M.174005 - M.174006; V.0017295 - V.0017296

145. *Giáo trình kỹ thuật công binh*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Hoàng Hữu Canh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 248tr.; 27cm.

358.230711 Gi-108T/LCV.0001913 - LCV.0001914; MP.0034791 - MP.0034792; V.0017321 - V.0017322

146. *Giáo trình nguyên lý công tác tư tưởng trong Quân đội nhân dân Việt Nam*: Dùng cho đào tạo phóng viên báo chí hệ đại học/ Nhâm Cao Thành chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 195tr.; 27cm.

355.00711 Gi-108T/LCV.0001936 - LCV.0001937; M.173974 - M.173975 - M.173976; V.0017275 - V.0017276

147. *Giáo trình nội dung, tổ chức, phương pháp làm tham mưu giúp cấp ủy, chính quyền về công tác quốc phòng, quân sự địa phương ở xã, phường, thị trấn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ Dương Văn Tạo chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 232tr.; 27cm.

355.30711 Gi-108T/LCV.0001943 - LCV.0001944; M.174028 - M.174029 - M.174030; V.0017317 - V.0017318

148. *Giáo trình quản lý nhà nước và công tác hành chính ở xã, phường, thị trấn*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Khuất Văn Trường chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 188tr.; 27cm.

351.0711 Gi-108T/LCV.0001959 - LCV.0001960; M.174010 - M.174011 - M.174012; V.0017299 - V.0017300

149. *Giáo trình thể thao quân sự*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Đình Vinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 176tr.; 27cm.

355.50711 D513C/LCV.0001978 - LCV.0001979; M.174031 - M.174032 - M.174033; V.0017319 - V.0017320

150. *Giáo trình tổ chức, phương pháp huấn luyện chiến thuật dân quân tự vệ*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Lê Đình Trung chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 204tr.; 27cm.

355.540711 Gi-108T/LCV.0001982 - LCV.0001983; MP.0034789 - MP.0034790; V.0017315 - V.0017316

151. *Giáo trình vũ khí tự tạo*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Viết Thành*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 100tr.; 27cm.

355.80711 Gi-108T/LCV.0001857 - LCV.0001858; MP.0034793 - MP.0034794; V.0017323 - V.0017324

152. *Giáo trình vũ khí tự tạo*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ cao đẳng ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Viết Thành*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 100tr.; 27cm.

355.80711 Gi-108T/LCV.0001855 - LCV.0001856; MP.0034787 - MP.0034788; V.0017307 - V.0017308

153. *Hoàn thiện cơ chế tự chủ về kinh phí quản lý hành chính đối với chính quyền cấp xã tại các tỉnh đồng bằng sông Hồng*: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng: 9340201/ *Nguyễn Thị Thu Hương*. - 2020; H.: Học viện Hậu cần. - 173tr.; 30cm + + phụ lục

352.409597 H406T/LAV.0009710

154. *Khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công ở Việt Nam*: Luận án tiến sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng: 9340201/ *Nguyễn Tân Thịnh*. - 2020; H.: Học viện Hậu cần. - 169tr., 169tr.; 30cm, 30cm + + phụ lục, + phụ lục

352.409597 Kh103T/LAV.0009709

155. *Kho KV4 - Biên niên sự kiện (1979 - 2019)*/ *Biên soạn: Đỗ Văn Chương, Nguyễn Văn Vinh,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 346tr.; 21cm.

355.7509597 Kh400K/MP.0034458 - MP.0034459; VN.0080567 - VN.0080568

156. *Lịch sử Bộ đội Biên phòng thành phố Hải Phòng (1959 - 2019)*/ Đoàn Trường Sơn chủ biên. - Tái bản lần 3 có chỉnh lý, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 571tr.; 22cm.

355.35109597 L302S/MP.0034696 - MP.0034697; VN.0080757 - VN.0080758

157. *Lịch sử Bộ tham mưu Hải quân (1959 - 2019)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 483tr.; 22cm.

359.009597 L302S/MP.0034694 - MP.0034695; VN.0080759 - VN.0080760

158. *Lịch sử Cục Phòng không Lục quân (1979 - 2019)*/ Nguyễn Ngọc Hải chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 511tr.; 21cm.

358.109597 L302S/MP.0034462 - MP.0034463; VN.0080571 - VN.0080572

159. *Lịch sử Đoàn Biên phòng cửa khẩu Hoàng Diệu (1975 - 2019)*/ Hồ Sơn Đài chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 396tr.; 21cm.

355.35109597 L302S/LC.0015071 - LC.0015072; MP.0034460 - MP.0034461; VN.0080569 - VN.0080570

160. *Lịch sử Lữ đoàn Công binh 280 (1979 - 2019)*/ Trần Trọng Thân chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 356tr.; 21cm.

358.2309597 L302S/MP.0034454 - MP.0034455; VN.0080563 - VN.0080564

161. *Lịch sử Lữ đoàn Pháo phòng không 283 (1979 - 2019)*. - H.: Quân Khu 4, 2019. - 344tr.; 21cm.

358.1309597/.0080252

162. *Lịch sử lữ đoàn xe tăng, thiết giáp 202 (1959 - 2019)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 399tr.; 21cm.

358.1809597 L302S/MP.0034890 - MP.0034891; VN.0080905 - VN.0080906

163. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Mường Lát (1996 - 2018)*/ Chủ biên: Trịnh Xuân Châu, Lê Văn Thuận. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 303tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034567 - MP.0034568; VN.0080697 - VN.0080698

164. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Sơn Hà (1945 - 2015)*/ Vũ Quang biên soạn. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 280tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034565 - MP.0034566; VN.0080695 - VN.0080696

165. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân huyện Tân Trụ (1945 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 402tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034563 - MP.0034564; VN.0080693 - VN.0080694

166. *Lịch sử Lực lượng vũ trang nhân dân quận Hoàn Kiếm (1945 - 2019)/ Hoàng Đức Sinh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 471tr.; 24cm.

355.009597 L302S/MP.0034882 - MP.0034883; V.0017401 - V.0017402

167. *Lịch sử lực lượng vũ trang nhân dân Thành phố Rạch Giá (1949 - 2015)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 256tr.; 21cm.

355.009597 L302S/LC.0015053 - LC.0015054; MP.0034724 - MP.0034725; VN.0080783 - VN.0080784

168. *Lịch sử Mặt trận 579 Quân khu 5 (1979 - 1989)/ Biên soạn: Nguyễn Anh Tuấn, Trương Cường, Mai Văn Hải*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 299tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034559 - MP.0034560; VN.0080689 - VN.0080690

169. *Lịch sử Ngành Điều tra hình sự Quân đội nhân dân Việt Nam (1948 - 2018)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 455tr.; 22cm.

355.009597 L302S/MP.0034722 - MP.0034723; VN.0080781 - VN.0080782

170. *Lịch sử Ngành Điều tra hình sự Quân khu 4 (1948 - 2018)/ Biên soạn: Đặng Ích Chính, Trần Văn Thìn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 359tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034728 - MP.0034729; VN.0080789 - VN.0080790

171. *Lịch sử Ngành Kỹ thuật Quân đoàn 1 (1973 - 2018)/ Chủ biên: Phạm Văn Xuân, Phạm Hồng Hưởng, Nguyễn Văn Lợi*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 335tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034446 - MP.0034447; VN.0080553 - VN.0080554

172. *Lịch sử ngành Quân y tỉnh Cà Mau (1945 - 2015)/ Nguyễn Việt Thắng biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 237tr.; 21cm.

355.3109597 L302S/MP.0034896 - MP.0034897; VN.0080923 - VN.0080924

173. *Lịch sử phòng khoa học quân sự phòng không - không quân (1963 - 2018)/ Biên soạn: Trần Duy Tiến, Hoàng Văn Hùng,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 351tr.; 21cm.

358.009597 L302S/MP.0034561 - MP.0034562; VN.0080691 - VN.0080692

174. *Lịch sử Sư đoàn Bộ binh 315 (1979 - 2019)*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 424tr.; 21cm.

356.109597 L302S/LC.0015038 - LC.0015039; MP.0034452 - MP.0034453; VN.0080561 - VN.0080562

175. *Lịch sử Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn (1989 - 2019)/ Biên soạn: Lê Cao Thịnh,...*
- Tái bản có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 416tr.; 24cm.

359.009597 L302S/M.173424 - M.173425 - M.173426; V.0017191 - V.0017192

176. *Lịch sử Trung đoàn 88 - Tu Vũ (1949 - 2019)/ Biên soạn: Nguyễn Quốc Khánh, Trương Việt Cường.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 379tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034464 - MP.0034465; VN.0080573 - VN.0080574

177. *Lịch sử Trung đoàn Vận tải 659 (1979 - 2019)/ Biên soạn: Trần Thành, Nguyễn Minh Phụng, Trần Văn Phụng.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 273tr.; 21cm.

358.2509597 L302S/MP.0034450 - MP.0034451; VN.0080559 - VN.0080560

178. *Lịch sử Văn phòng Bộ Tư lệnh Quân khu 2 (1979 - 2019)/ Biên soạn: Đặng Quốc Đồng, Nguyễn Mạnh Chung,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 182tr.; 21cm.

355.3109593 L302S/MP.0034892 - MP.0034893; VN.0080907 - VN.0080908

179. *Lịch sử Viện Công nghệ thông tin (1974 - 2019)/ Biên soạn: Quốc Thiệu, Nguyễn Xuân Trường, Phan Anh Tú.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 292tr.; 21cm.

355.009597 L302S/MP.0034448 - MP.0034449; VN.0080555 - VN.0080556

180. *Một số vấn đề về bồi dưỡng phương pháp giáo dục chính trị cho chính trị viên ở đơn vị cơ sở trong quân đội nhân dân Việt Nam/ Nguyễn Văn Sơn chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 139tr.; 21cm.

355.007597 M458S/M.173926 - M.173927 - M.173928; VN.0080797 - VN.0080798

181. *Nâng cao chất lượng huấn luyện ở Trung đoàn Vận tải 651 – Quân khu 1:* Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự; 60860226/ Nguyễn Tiến Lâm. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 100tr.; 30cm + + phụ lục

355.5409597 N122C/LAV.0009706

182. *Nâng cao chất lượng quản lý doanh trại thường xuyên Lữ đoàn xe tăng – Binh chủng Tăng Thiết giáp:* Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự; 8860218/ Lê Quang Hòa. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 77tr.; 30cm + + phụ lục

355.7109597 N122C/LAV.0009703

183. *Nâng cao chất lượng quản lý xây dựng cơ bản ở sư đoàn không quân 371*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ *Trịnh Xuân Hiếu*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 78tr.; 30cm + + phụ lục
355.7109597 N122C/LAV.0009702

184. *Nâng cao kỹ năng tự học các môn khoa học xã hội và nhân văn của học viên sĩ quan cấp phân đội*: Sách chuyên khảo/ *Tạ Quang Đàm biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 87tr.; 21cm.
355.00711597 N122C/M.174299 - M.174300 - M.174301; VN.0080917 - VN.0080918

185. *Nâng cao năng lực tham mưu của đảng ủy quân sự tỉnh, thành phố về xây dựng khu vực phòng thủ trong tình hình mới*: Sách chuyên khảo/ *Trần Xuân Đán*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 166tr.; 21cm.
355.0330597 N122C/M.174287 - M.174288 - M.174289; VN.0080911 - VN.0080912

186. *Nâng cao năng lực tiến hành công tác dân vận của cán bộ quân y cấp phân đội hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Nguyễn Thanh Tịnh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 131tr.; 21cm.
355.3409597 N122C/M.174296 - M.174297 - M.174298; VN.0080915 - VN.0080916

187. *Nghiên cứu bảo đảm nước cho sinh hoạt và tăng gia trung đoàn bộ binh đóng quân ở địa bàn khan hiếm nước*: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần Quân sự: 8860218/ *Trần Mạnh Dũng*. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 75tr.; 30cm + + phụ lục
355.809597 Ngh305C/LAV.0009701

188. *Phát huy vai trò của học viên ở Học viện Chính trị trong đấu tranh chống quan điểm sai trái, thù địch cơ hội chính trị trên không gian mạng hiện nay*: Sách chuyên khảo/ *Bùi Xuân Quỳnh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 174tr.; 21cm.
355.00711597 Ph110H/M.174305 - M.174306 - M.174307; VN.0080921 - VN.0080922

189. *Quốc phòng Việt - Trung thăm tình hữu nghị*/ *Biên soạn: Nguyễn Văn Đức,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 183tr.; 25cm.
355.031095970951 Qu451P/M.173687 - M.173688 - M.173689; V.0017265 - V.0017266

190. *Quốc phòng Việt Nam 2019 = 2019 Vietnam national defence*/ *Nguyễn Văn Đức biên soạn*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 199tr.; 25cm.
355.009597 Qu451P/LCV.0002229 - LCV.0002230; M.175624 - M.175625; MP.0035804 - MP.0035805; V.0017263 - V.0017264

191. Tài liệu bổ trợ học tập chính trị năm 2019/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 174tr.; 19cm.

355.009597 T103L/LC.0014734 - LC.0014735; MP.0034571 - MP.0034572; VN.0080701 - VN.0080702

192. Tài liệu một số kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa - xã hội và quốc phòng, an ninh: Hỏi và đáp/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 138tr.; 19cm.

355.007 T103L/MP.0034898 - MP.0034899; VN.0080927 - VN.0080928

193. Tài liệu tuyên truyền kỷ niệm 30 năm Ngày hội Quốc phòng toàn dân (22.12.1989 - 22.12.2019) và 75 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (22.12.1944 - 22.12.2019)/ Nguyễn Văn Đức chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 220tr.; 19cm.

355.009597 A103L/M.174311 - M.174312 - M.174313; VN.0080929 - VN.0080930

194. Tài liệu tuyên truyền 60 năm Ngày mở đường Hồ Chí Minh - Ngày truyền thống bộ đội Trường Sơn (19.5.1959 - 19.5.2019). - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 103tr.; 19cm.

355.3109597 T103L/LC.0014872 - LC.0014873; M.173708 - M.173709 - M.173710; VN.0080705 - VN.0080706

195. Tổ chức sử dụng, bố trí lực lượng hậu cần sư đoàn tiến công địch cơ động ở địa hình đồng bằng sông Cửu Long: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 8860218/ Thân Ngọc Thanh. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 93tr.; 30cm ++ phụ lục

355.4209597 T450C/LAV.0009693

196. Tổ chức vận tải trung đoàn bộ binh tiến công đổ bộ đường không: Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 60860226/ Cao Xuân Vinh. - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 9tr.; 30cm ++ phụ lục

355.4209597 T450C/LAV.0009684

197. Tổng kết chiến dịch phòng không bảo vệ Hà Nội, Hải Phòng cuối tháng 12 năm 1972/ Biên soạn: Nghiêm Đình Tích, Đỗ Văn Thuận, Nguyễn Quốc Việt. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 362tr.; 21cm.

358.009597 T455K/MP.0034456 - MP.0034457; VN.0080565 - VN.0080566

198. Tổng kết công tác bảo đảm hậu cần - kỹ thuật trong các chiến dịch phòng không chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc/ Dương Hồng Anh chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 398tr.; 21cm.

358.009597 T455K/MP.0034684 - MP.0034685; VN.0080771 - VN.0080772

199. Viện Khoa học và Công nghệ quân sự - 40 năm đào tạo sau đại học (1979 - 2019):

Biên niên sự kiện/ *Biên soạn: Nguyễn Trang Minh,....* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 655tr.; 22cm.

355.00711597 V305K/MP.0034444 - MP.0034445; VN.0080551 - VN.0080552

200. *Xây dựng hậu phương Quân đội trong tình hình mới/ Trần Văn Minh chủ biên.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 406tr.; 21cm.

355.009597 X126D/LC.0014723 - LC.0014724; M.173705 - M.173706 - M.173707; VN.0080699 - VN.0080700

201. *Xây dựng lực lượng hậu cần nhân dân địa phương tỉnh Vĩnh Chấn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc:* Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần quân sự: 60860226/ *Súc Sạ Văn Phấn Thạ Vông.* - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 95tr.; 30cm + + phụ lục

355.41109594 X126D/LAV.0009692

202. *Xây dựng lực lượng vận tải khu vực phòng thủ tỉnh (thành phố) trong sự nghiệp bảo vệ tổ quốc:* Sách chuyên khảo/ *Trần Đình Hương.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 167tr.; 21cm.

358.2509597 X126D/VN.0080801 - VN.0080802

203. *Xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới/ Ngô Xuân Lịch.* - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 512tr.; 21cm.

355.0330597 X126D/M.174272 - M.174273 - M.174274; V.0017403 - V.0017404

204. *Xây dựng thế trận vận tải tỉnh Chăm Pa Sắc trong chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Lào:* Luận văn thạc sĩ quân sự chuyên ngành Hậu cần Quân sự: 8860218/ *Tu La Xay Phia Vong Sa.* - 2019; H.: Học viện Hậu cần. - 89tr.; 30cm + + phụ lục

355.4209594 X126D/LAV.0009696

205. *Armies of sand:* The past, present and future of Arab military effectiveness/ *Kenneth M. Pollack.* - New York: Oxford University press, 2019. - 676p.; 24cm.

355.00917 A109O/AV.0012382

206. *Operational warfare at Sea:* Theory and practice/ *Milan Vego.* - 2nd Edition. - New York: Routledge, 2017. - 296p.; 24cm.

359.42/AV.0012374

207. *Global security cultures/ Mary Kaldor.* - Cambridge: Polity, 2018. - 234p.; 22cm.

355.033 GI418S/A.0013119

208. *Limited war in South Asia:* From decolonization to recent times/ *Scott Gates, Kaushik Roy.* - New York: Routledge, 2018. - 204p.; 24cm.

355.02150954/AV.0012372

209. *Maritime security in the Indian Ocean and Western Pacific*: Heritage and contemporary challenges/ *Howard M. Hensel, Amit Gupta*. - New York: Routledge, 2018. - 274p.; 24cm.

355.0330165/AV.0012370

210. *People's war*: Variants and responses/ *Thomas A. Marks, Paul B. Rich*. - New York: Routledge, 2018. - 263p.; 24cm.

355.02/AV.0012375

211. *Planning to fail*: The US wars in Vietnam, Iraq and Afghanistan/ *James H. Lebovic*. - New York: Oxford University press, 2019. - 246p.; 24cm.

355.020973 P1107T/AV.0012378

212. *Russia's military revival*/ *Bettina Renz*. - Cambridge: Polity, 2018. - 249p.; 23cm.

355.00947 R521M/AV.0012394

213. *The IISS armed conflict survey 2016*. - New York: Routledge, 2016. - 340p.; 25cm.

355/AV.0012368

214. *The IISS armed conflict survey 2017*. - New York: Routledge, 2017. - 368p.; 25cm.

355/AV.0012369

215. *Военная история России*: Учебное для общеобразовательных организаций/ *В. Р. Мединский, М. Ю. Мягков, Ю. А. Никифоров*. - 3-е изд., доп. - М.: РВИО, 2018. - 455с.; 22см. - (Российское военно-историческое общество-школьнику)

355.00947 00000/X.0027053

216. *Война и миф*: Расширенное и дополненное издание/ *Михаил Зыгарь*. - М.: Издательство АСТ, 2017. - 315с.; 22см.

355 00000/X.0027064

217. *История Русской армии*/ *А. А. Керсновский*. - М.: Берлин, 2017.; 22см.

Ч.1 - 322с.

355.00947 00000/X.0027058

Ч.2 - 308с.

355.00947 00000/X.0027056

Ч.3 - 348с.

355.00947 00000/X.0027057

Ч.4 - 352с.

355.00947 00000/X.0027071

218. *Китайское искусство войны*: Постигание стратегии/ *сост. и ред. Т. Кпири*;

пер. с англ. Р. В. Котенко. - М.: Издательство АСТ, 2018. - 398с.; 22см. - (Искусство военных стратегий)

355.420951 00000/X.0027065

219. Морская мощь государства/ С. Г. Горшков. - 3-е издание, исправленное. - СПб.: Морское наследие, 2016. - 469с.; 22см.

359.00947 00000/X.0027060

220. Общее введение в стратегию: Этюды по философии военных наук/ Н. А. Корф. - М.: Книжный дом <<ЛИБРОКОМ>>, 2016. - 129с.; 22см. - (Из наследия мировой философской мысли: социальная философия)

355.0010947 00000/X.0027054

221. Политология и социология военной стратегии/ А. А. Кокошин. - Изд. стереотип. - М.: ЛЕНАНД, 2018. - 613с.; 22см.

355.001 00000/X.0027073

222. Проблема государственного управления военной сферой: Заметки по поводу монографии А. А. Кокошина <<Стратегическое управление. Теория, исторический анализ, задачи для России>>/ В. А. Зопотарев. - Изд. стереотип. - М.: Едиториал УРСС, 2017. - 75с.; 22см.

355.0047 00000/X.0027074

223. Военные нанотехнологии Возможности применения и превентивного контроля вооружений / Ю. Альтман; Перевод.: А. В. Хачояна. - Изд. 2-е, доп. и исправ.. - М.: ТЕХНОСФЕРА, 2018. - 421с.; 22см.

355.8 00000/X.0027067

224. История военных сообщений на морском и внутреннем водном транспорте: Монография/ А. В. Кириченко, И. В. Мартыненко, О. В. Соляков. - М.: Моркннга, 2017. - 454с.; 22см.

359.00947 00000/X.0027055

360 - Dịch vụ xã hội

225. Biên niên sự kiện Lịch sử Công an tỉnh Hải Dương (1997 - 2016). - H.: Công an nhân dân, 2018. - 367tr.; 24cm.

363.209597/V.0016921 - V.0016922

226. 99 tình huống ứng phó khẩn cấp trong đời sống thường ngày. - Tái bản lần 2 có chỉnh sửa. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 276tr.; 21cm.

363.1 Ch311M/M.173825 - M.173826 - M.173827; MP.0034656 - MP.0034657

227. Đảm bảo an toàn, vệ sinh lao động khi làm việc trên cao/ Bùi Thanh Giang. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 202tr.; 21cm.

**363.11 Đ104B/M.173822 - M.173823 - M.173824; MP.0034654 -
MP.0034655**

228. *Tổng kết lịch sử Công an Lạng Sơn trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954 - 1975).* - H.: Công an nhân dân, 2014. - 215tr.; 21cm.

363.209597/.0080253 - .0080254

229. *Modern maritime Piracy: Genesis, evolution and responses/ Robert C. McCabe.* - New York: Routledge, 2018. - 327p.; 24cm.

364.164/AV.0012373

230. *The power of positive deviance: How unlikely innovators solve the world's toughest problem/ Richard Pascale.* - Boston: Harvard Business review press, 2010. - 231p.; 24cm.

362.0425 Th200P/AV.0012392

231. *Основы обеспечения жизнедеятельности и выживание в чрезвычайных ситуациях:* Учебник для СПО/ Г. И. Беяков. - 3-е изд., перераб. и доп.. - М.: Издательство Юрайт, 2018. - 353с.; 22см.. - (Серия: Профессиональное образование)

363.1 00000/X.0027061

370 - Giáo dục

232. *Who's afraid of the big bad dragon?: Why China has the best (and worst) education system in the world.* - San Francisco: Jossey Bass, 2014. - 254p.; 24cm.

370.951 Wh434A/AV.0012388

380 - Thương mại

233. *Nâng cao khả năng xuất khẩu một số sản phẩm chủ lực của Việt Nam sang thị trường liên minh Châu Âu đến năm 2025/ Chủ biên: Hoa Hữu Cường, Nguyễn An Hà.* - H.: Chính trị Quốc gia, 2018. - 327tr.; 21cm.

**382.609597 N122C/M.174102 - M.174103 - M.174104; MP.0034825;
VN.0080877 - VN.0080878**

390 - Văn hóa dân gian

234. *Sự tích các Thành hoàng làng Thăng Long - Hà Nội/ Đỗ Thị Hảo chủ biên.* - H.: Chính trị quốc gia, 2020. - 487tr.; 24cm.

**398.410959731 S550T/M.173535 - M.173536 - M.173537; MP.0034514;
V.0017207 - V.0017208**

235. *Truyện Trạng Quỳnh/ Lữ Huy Nguyên biên soạn.* - H.: Văn học, 2018. - 141tr.; 21cm.

**398.709597 Tr527T/M.173768 - M.173769 - M.173770; MP.0034613 -
MP.0034614**

500 - KHOA HỌC TỰ NHIÊN

510 - Toán học

236. *Giáo trình toán ứng dụng*: Dùng cho đào tạo cán bộ quân sự trình độ đại học ngành quân sự cơ sở/ *Nguyễn Văn Minh chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 138tr.; 27cm.

519.0711

Gi-108T/LCV.0001917 - LCV.0001918; M.174007 -

M.174008 - M.174009; V.0017301 - V.0017302

530 - Vật lý

237. *Sổ tay phóng xạ*: Tài liệu dùng cho quân y tuyến trung đoàn, sư đoàn/ *Nguyễn Xuân Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 123tr.; 21cm.

539.750711

S450T/MP.0034730 - MP.0034731; VN.0080793 -

VN.0080794

600 - CÔNG NGHỆ

610 - Y học

238. *Cập nhật chẩn đoán, điều trị và dự phòng một số bệnh truyền nhiễm*: Dùng cho đào tạo cán bộ y tế/ *Chủ biên: Trần Viết Tiến, Hoàng Vũ Hùng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 125tr.; 21cm.

614.5

C123N/VN.0080799 - VN.0080800

239. *Chương trình đào tạo liên tục kiểm soát nhiễm khuẩn*: Dùng cho đào tạo cán bộ y tế/ *Chủ biên: Kiều Chí Thành, Trần Viết Tiến*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 161tr.; 21cm.

614.5

Ch561T/VN.0080809 - VN.0080810

240. *Giáo sư Nguyễn Thiện Thành - Người chiến sĩ, người thầy thuốc anh hùng/ Nguyễn Đức Công chủ biên*. - Tái bản lần 2 có sửa chữa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 403tr.; 23cm.

610.92

Gi-108S/M.174275 - M.174276 - M.174277; V.0017407 - V.0017408

241. *Hướng dẫn kỹ thuật cơ bản tại đội y học dự phòng/ Nguyễn Ngọc San chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 236tr.; 27cm.

613

H561D/M.173977 - M.173978 - M.173979; V.0017277 - V.0017278

242. *Nhận biết tổn thương phóng xạ và xử trí ban đầu tại đơn vị*: Tài liệu dùng cho cán bộ, chiến sĩ và quân y tuyến đại đội, tiểu đoàn/ *Nguyễn Xuân Kiên chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 31tr.; 19cm.

616.98023

Nh121B/MP.0034749 - MP.0034750; VN.0080813 -

VN.0080814

243. *Nhiễm khuẩn huyết và nhiễm khuẩn huyết bệnh viện*: Sách chuyên khảo. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 171tr.; 21cm.

614.545 Nh304K/MP.0034732; VN.0080795 - VN.0080796

620 - Kỹ thuật

244. *Cấu tạo và hướng dẫn sử dụng xe tăng T-62*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 747tr.; 27cm.

623.74752 C125T/LCV.0002092; MP.0034680 - MP.0034681; V.0017217 - V.0017218

245. *Cấu tạo và hướng dẫn sử dụng xe thiết giáp bánh lốp*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 455tr.; 27cm.

623.74752 C125T/LCV.0002083 - LCV.0002084; MP.0034682 - MP.0034683; V.0017219 - V.0017220

246. *Từ điển địa hình Quân sự*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 559tr.; 21cm.

623.703 T550Đ/.0079904 - .0079905; M.173920 - M.173921 - M.173922; VN.0080787 - VN.0080788

247. *Arming Asia: Technonationalism and its impact on local defense industries/ Richard A. Bitzinger*. - New York: Routledge, 2017. - 146p.; 24cm.

623.4095/AV.0012371

650 - Quản lý chung

248. *Lãnh đạo từ khoa học đến nghệ thuật/ Ao Thu Hoài*. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 431tr.; 24cm.

658.4 L107Đ/M.173867 - M.173868 - M.173869; MP.0034706 - MP.0034707; V.0017231 - V.0017232

249. *Entering startupland: An essential guide to finding the right job/ Jeffrey Bussgang*. - Boston: Harvard Business review press, 2017. - 230p.; 24cm.

658.11023 A105E/AV.0012393

250. *How to be happy at work/ Annie McKee*. - Boston: Harvard business review press, 2017. - 252p.; 22cm.

650.1 H435T/A.0013109

251. *Smart business: What Alibaba's success reveals about the future of strategy/ Ming Zeng*. - Boston: Harvard Business review press, 2018. - 296p.; 24cm.

658.872 Sm109B/AV.0012389

252. *Strategy maps: Converting intangible assets into tangible outcomes/ Robert S. Kaplan*. - Boston: Harvard Business review press, 2004. - 454p.; 24cm.

658.4012

C431I/AV.0012387

253. *Succeeding generations*: Realizing the dream of families in business/ *Ivan Lansberg*. - Boston: Harvard Business review press, 1999. - 379p.; 24cm.

658.045 S506G/AV.0012391

254. *The success equation*: Untangling skill and luck in business, sports and investing/ *Michael J. Mauboussin*. - Boston: Harvard Business review press, 2012. - 293p.; 24cm.

650.1 Th200S/AV.0012390

700 - NGHỆ THUẬT VÀ GIẢI TRÍ

780 - Âm nhạc

255. *50 bài tập Drum*: Dành cho học viên năm thứ nhất, năm thứ hai hệ trung cấp/ *Lê Hoàng Long chủ biên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 118tr.; 27cm.

786.9 N114M/LCV.0001939; M.173986 - M.173987 - M.173988;
V.0017283 - V.0017284

256. *Tuyển tập nhạc đệm Piano cho múa cổ điển Châu Âu*: Dành cho đào tạo năm thứ nhất chuyên ngành múa, trình độ trung cấp/ *Đồng chủ biên: Dương Thị Thu Hà, Đỗ Mạnh Tiến*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 122tr.; 27cm.

786.2 T527T/LCV.0001940; M.173693 - M.173694 - M.173695;
MP.0034553 - MP.0034554

257. *Tuyển tập nhạc múa cơ bản dân gian dân tộc Việt Nam*: Dành cho đào tạo chuyên ngành múa/ *Đồng chủ biên: Nguyễn Thị Thu Trang, Phạm Thanh Tùng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 131tr.; 27cm.

780 T527T/LCV.0001941; M.173696 - M.173697 - M.173698;
MP.0034555 - MP.0034556

800 - VĂN HỌC

810 - Văn học châu Mỹ bằng tiếng Anh

258. *Ám ảnh đen*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Cornell Woolrich*; *Nguyễn Thành Long dịch*. - Tái bản có chỉnh sửa. - H.: Văn học, 2019. - 311tr.; 21cm.

813.52 A104A/M.173756 - M.173757 - M.173758; MP.0034605 -
MP.0034606

259. *Cô dâu đen*: Tiểu thuyết trinh thám/ *Cornell Woolrich*; *Trang An dịch*. - Tái bản có chỉnh sửa. - H.: Văn học, 2019. - 258tr.; 21cm.

813.52 C450D/M.173747 - M.173748 - M.173749; MP.0034599 -
MP.0034600

260. *Mặt nạ bạc/ Holly Black, Cassandra Clara; Nguyễn Mỹ Ngọc dịch.* - H.: Văn học, 2018. - 243tr.; 21cm.

Ph. 4 : Trường học pháp luật

813.6 M118N/M.173741 - M.173742 - M.173743; MP.0034595 - MP.0034596

261. *Mùa gặt đỏ: Tiểu thuyết trinh thám/ Dasiell Hammett; Nguyệt Minh dịch.* - H.: Văn học, 2019. - 306tr.; 21cm.

813.52 M501G/M.173750 - M.173751 - M.173752; MP.0034601 - MP.0034602

820 - Văn học tiếng Anh

262. *Khu vườn bí mật/ Frances Hodgson Burnett; Nguyễn Tuấn Khanh dịch.* - Tái bản có bổ sung. - H.: Văn học, 2019. - 321tr.; 24cm.

820.8 Kh500V/M.173714 - M.173715 - M.173716; MP.0034577 - MP.0034578

840 - Văn học tiếng Pháp

263. *Arsène Lupin đối đầu Herlock Sholmès/ Maurice Leblanc; Nguyễn Thị Tươi dịch.* - Tái bản lần 1. - H.: Văn học, 2019. - 370tr.; 21cm.

843.912 A109L/M.173753 - M.173754 - M.173755; MP.0034603 - MP.0034604

264. *Ba người lính ngự lâm/ Alexandre Dumas; Ng.dịch: Trần Việt, Anh Vũ.* - H.: Văn học, 2019. - 679tr.; 24cm.

843.8 B100N/M.173711 - M.173712 - M.173713; MP.0034575 - MP.0034576

265. *Các hung thần lên cơn khát: Tiểu thuyết/ Anatole France; Trần Mai Châu dịch.* - H.: Văn học, 2019. - 302tr.; 21cm.

843.8 C101H/M.173777 - M.173778 - M.173779; MP.0034619

890 - Văn học Đông Á và Đông Nam Á

266. *Bãi săn/ Nguyễn Đình Tú.* - H.: Văn học, 2019. - 343tr.; 23cm.

P.2 : Phần đồ

895.92234 B103S/M.173717 - M.173718 - M.173719; MP.0034579 - MP.0034580

267. *Bò hoang phố cổ/ Uông Triều.* - H.: Văn học, 2019. - 218tr.; 21cm.

895.92234 B400H/M.173765 - M.173766 - M.173767; MP.0034611 - MP.0034612

- 268. *Bơ đi mà sống*:** Tản văn/ *Mèo Xù*. - H.: Văn học, 2018. - 203tr.; 21cm.
895.9228408 B460Đ/M.173780 - M.173781 - M.173782; MP.0034620 - MP.0034621
- 269. *Bức chân dung người đàn bà lạ*:** Tiểu thuyết/ *Chu Lai*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 263tr.; 21cm.
895.92234 B552C/M.174293 - M.174294 - M.174295; MP.0034894 - MP.0034895
- 270. *Cá mực hầm mật*:** Tiểu thuyết/ *Mặc Bảo Phi Bảo; Losedow dịch*. - H.: Văn học, 2019. - 397tr.; 21cm.
895.136 C100M/M.173720 - M.173721 - M.173722; MP.0034581 - MP.0034582
- 271. *Khi nhìn lên trời xanh, tớ sẽ rất nhớ cậu*:** Tập truyện đôi/ *Septiny*. - H.: Văn học, 2019. - 197tr.; 21cm.
895.92234 Kh300N/M.173786 - M.173787 - M.173788; MP.0034624 - MP.0034625
- 272. *Lẽ sống*:** Tập truyện ngắn/ *Chi Phan*. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 183tr.; 19cm.
895.92234 L200S/LC.0014738 - LC.0014739; M.173702 - M.173703 - M.173704; MP.0034569 - MP.0034570
- 273. *Mandarin của tôi*:** *Mặc Bảo Phi Bảo; Hàn Vũ Phi dịch*. - Tái bản lần 2. - H.: Văn học, 2019. - 362tr.; 21cm.
895.136 M105C/M.173744 - M.173745 - M.173746; MP.0034597 - MP.0034598
- 274. *Mùa hạ*:** Tiểu thuyết/ *Châu La Việt*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 152tr.; 19cm.
895.92234 M501H/M.173950 - M.173951 - M.173952; MP.0034741 - MP.0034742
- 275. *Người thương đã cũ*:** *Nguyễn Bảo*. - H.: Văn học, 2019. - 199tr.; 21cm.
895.9228408 Ng558T/M.173759 - M.173760 - M.173761; MP.0034607 - MP.0034608
- 276. *Những dấu son*:** Tuyển tập văn học nghệ thuật chào mừng 10 năm tái lập trường sĩ quan chính trị (11.2008 - 11.2018). - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 308tr.; 24cm.
895.9228403 Nh556D/MP.0034698 - MP.0034699; V.0017223 - V.0017224
- 277. *Nụ cười của Shoko*:** *Choi Eun-Young; Kim Ngân dịch*. - H.: Văn học, 2019. - 376tr.; 21cm.
895.735 N500C/M.173723 - M.173724 - M.173725; MP.0034583 - MP.0034584

278. *Núi thiêng hoa vẫn tím*: Tập truyện và ký/ *Phan Thái, Minh Hằng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 223tr.; 19cm.

895.92230108 N510T/M.173953 - M.173954 - M.173955; MP.0034743 - MP.0034744

279. *60 năm Khu tập thể Ban Công tác miền Tây 79-81 Lý Nam Đế (Tháng 9/1959 - Tháng 9/2019)*. - H., 2019. - 120tr.; 27cm.

895.9228403/V.0016923

280. *Sống cho đáng sống, yêu cho đáng yêu*/ *Jinie Lynk*. - H.: Văn học, 2019. - 205tr.; 21cm.

895.9228408 S455C/M.173774 - M.173775 - M.173776; MP.0034617 - MP.0034618

281. *Tàu xuyên Việt*: Tập truyện ngắn/ *Ma Văn Kháng*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 202tr.; 19cm.

895.922334 T111X/LC.0014958 - LC.0014959; M.173956 - M.173957 - M.173958; MP.0034747 - MP.0034748

282. *Tây Tiến - Nỗi nhớ chơi vơi*: Truyện ký/ *Nguyễn Hữu Duyên*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 159tr.; 21cm.

895.9228403 T126T/LC.0014944 - LC.0014945; M.173941 - M.173942 - M.173943; MP.0034735 - MP.0034736

283. *Thời áo lính*: Hồi ký/ *Trần Mỹ Giông*. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 190tr.; 21cm.

895.92283403 Th462A/LC.0014942 - LC.0014943; M.173944 - M.173945 - M.173946; MP.0034737 - MP.0034738

284. *Trần gian muôn nỗi*/ *Văn Giá*. - H.: Văn học, 2019. - 307tr.; 21cm.

895.9228408 Tr121G/M.173762 - M.173763 - M.173764; MP.0034609 - MP.0034610

285. *Truyện ngắn đặc sắc 2019*. - H.: Văn học, 2019. - 300tr.; 21cm.

895.92234 Tr527N/M.173771 - M.173772 - M.173773; MP.0034615 - MP.0034616

286. *Trước là tiểu nhân, sau là quân tử*/ *Tào Đình; Thúy Ngọc dịch*. - Tái bản lần 3. - H.: Văn học, 2019.; 21cm.

T.1 - 399tr.

895.136 Tr557L/M.173738 - M.173739 - M.173740; MP.0034593 - MP.0034594

T.2 - 641tr.

895.136 Tr557L/M.173735 - M.173736 - M.173737; MP.0034591 - MP.0034592

287. Tuổi trẻ của chúng ta sẽ xanh mãi mãi/ Jinie Lynk. - Tái bản lần 1. - H.: Văn học, 2019. - 244tr.; 21cm.

895.9228408 T515T/M.173783 - M.173784 - M.173785; MP.0034622 - MP.0034623

288. Tưởng nhớ Thượng tướng Trần Văn Trà. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 95tr.; 19cm.

895.92213408 T561N/M.174314 - M.174315 - M.174316; MP.0034900 - MP.0034901

289. Văn học Việt Nam - Dòng riêng giữ nguồn chung/ Trần Ngọc Vương. - H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 478tr.; 21cm.

895.92209001 V115H/M.173831 - M.173832 - M.173833; MP.0034660 - MP.0034661

900 - LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

290. State of emergency: travel in the trouble world/ Navid Kermani. - Cambridge: Polity, 2018. - 299p.; 22cm.

915.604 St110O/A.0013110

940 - Lịch sử châu Âu

291. Europe's crises/ Manuel Castells. - Cambridge: Polity, 2018. - 458p.; 23cm.

940.56 E207C/AV.0012406

947 - Nga và các quốc gia Đông Âu

292. The new Russia/ Mikhail Gorbachev; translated by Arch Tait. - Cambridge: Polity, 2017. - 440p.; 20cm.

947.0854092 Th200N/A.0013115

293. Сказка потерянном времени/ Хинштейн, Александр. - 3-е изд., исправленное и дополненное. - М.: Абрис, 2018. - 670с.; 22см.. - (Книги А. Хинштейна)

947.08 00000/X.0027070

294. Терроризм от кавказа до сирии/ Игорь Прокопенко. - М.: Издательство <<Э>>, 2016. - 511с.; 22см.. - (Военная тайна с Игорем Прокопенко. Коллекция)

947.086 00000/X.0027072

950 - Lịch sử châu Á

952 - Nhật Bản

295. Nhật Bản - Những bài học từ lịch sử/ Nguyễn Tiến Lực. - H.: Thông tin và truyền thông, 2018. - 398tr.; 24cm.

952 Nh124B/M.173858 - M.173859 - M.173860; MP.0034070;
V.0017225 - V.0017226

956 - Trung Quốc

296. Israel/ Palestine/ Alan Dowty. - 4th ed.. - Cambridge: Polity, 2017. - 314p.; 22cm.

956.04 I313P/A.0013126

297. Operation Caesa: At the heart of the Syrian death machine/ Garance Le Caisne. - Cambridge: Polity, 2018. - 174p.; 22cm.

956.910423 O434C/A.0013127

298. Syria/ Samer N. Abboud. - 2nd ed.. - Cambridge: Polity, 2018. - 262p.; 22cm.

956.910423 S610/A.0013128

959 - Đông Nam Á

299. Bác Hồ - Những câu chuyện và bài học/ Chu Đức Tính. - H.: Chính trị Quốc gia, 2019. - 139tr.; 15cm.

959.704092 B101H/M.174135 - M.174136 - M.174137; MP.0034837 -
MP.0034838

300. Bạch Thái Bưởi - Khẳng định doanh tài đất Việt: Tiểu thuyết lịch sử/ Lê Minh Quốc. - H.: Văn học, 2019. - 159tr.; 21cm.. - (Hào kiệt nước Nam)

959.703092 B102T/M.173726 - M.173727 - M.173728; MP.0034585 -
MP.0034586

301. 40 năm Ngày chiến thắng chiến tranh bảo vệ biên giới Tây Nam của Tổ quốc và cùng quân dân Campuchia chiến thắng chế độ diệt chủng (07/01/1979 - 07/01/2019): Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 611tr.; 28cm.

959.7044 B454M/M.173855 - M.173856 - M.173857; V.0017215 -
V.0017216

302. Chiến thắng Bình Giã trong tiến trình cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước: Kỷ yếu hội thảo khoa học. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 584tr.; 24cm.

959.7043 Ch305T/M.174278 - M.174279 - M.174280; V.0017409 -
V.0017410

303. Kỷ vật kháng chiến. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 198tr.; 21cm.

T.10

959.704 K600V/M.174284 - M.174285 - M.174286; VN.0080909 - VN.0080910

304. Nguyễn An Ninh - Dấu ấn để lại: Tiểu thuyết lịch sử/ *Lê Minh Quốc*. - H.: Văn học, 2019. - 243tr.; 21cm.

959.703092 Ng527A/M.173729 - M.173730 - M.173731; MP.0034587 - MP.0034588

305. Nguyễn Thái Học: Tiểu thuyết lịch sử/ *Lê Minh Quốc*. - H.: Văn học, 2019. - 159tr.; 21cm.. - (Hào kiệt nước Nam)

959.703092 Ng527T/M.173732 - M.173733 - M.173734; MP.0034589 - MP.0034590

306. Những anh hùng Tây Nguyên - Từ huyền thoại đến hiện đại/ Nguyễn Ngọc Thanh, Nguyễn Thanh Tùng. - H.: Thông tin và truyền thông, 2019. - 250tr.; 21cm.

959.760099 Nh556A/M.173843 - M.173844 - M.173845; MP.0034668 - MP.0034669

307. Quân đoàn 2 - Những trận đánh điển hình trong chiến tranh giải phóng. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 123tr.; 21cm.

T.12

959.704 Qu121Đ/MP.0034692 - MP.0034693; VN.0080761 - VN.0080762

308. Thoát khỏi địa ngục Khmer đỏ - Hồi ký của một người còn sống: Sách tham khảo/ *Denise Affonco; Trần Quang Hiếu biên dịch*. - H.: Chính trị quốc gia, 2019. - 248tr.; 21cm.

959.6042 Th411K/M.173550 - M.173551 - M.173552; VN.0080729 - VN.0080730

309. Trung đoàn một thời chiến trận: Hồi ký/ *Hồ Hữu Lạn*. - Tái bản lần 2 có chỉnh sửa, bổ sung. - H.: Quân đội nhân dân, 2017. - 579tr.; 21cm.

959.7043 Tr513Đ/M.173430 - M.173431 - M.173432; VN.0080557 - VN.0080558

310. Từ Tuy Hòa đồng khởi đến chiến dịch Hồ Chí Minh - Một số dấu ấn lịch sử/ Trần Tiến Hoạt. - H.: Quân đội nhân dân, 2018. - 219tr.; 21cm.

959.7043 T550T/M.173938 - M.173939 - M.173940; VN.0080807 - VN.0080808

311. Việt Nam - Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm/ Công Phương Khương chủ biên. - H.: Quân đội nhân dân, 2019. - 415tr.; 21cm.

T.3: Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX

959.7 V308N/M.174302 - M.174303 - M.174304; VN.0080919 - VN.0080920

312. *19 minutes to live: Helicopter combat in Vietnam*: A memoir by Lew Jennings/ *Lew Jennings*. - Soquel, 2017. - 367p.; 22cm.

959.7043

N311M/A.0013107

PHẦN II: ĐIỂM SÁCH

1. 90 năm Đảng Cộng sản Việt Nam (1930 - 2020) = 90 year of the communist party of Vietnam.- H.: Thông tấn, 2020.- 398tr.; 25cm.

V.00117202

Cuốn sách tập hợp hơn 600 bức ảnh tư liệu lịch sử được sưu tầm từ nhiều nguồn khác nhau. Các bức ảnh được sắp xếp, tổ chức, trình bày theo từng giai đoạn lịch sử từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, gắn liền với các sự kiện quan trọng của đất nước trong suốt 90 năm qua cùng với các bài viết, chú giải ảnh của các nhà nghiên cứu lịch sử Đảng. Ngoài ra cuốn sách còn có phần phụ lục giới thiệu chân dung các đồng chí Chủ tịch Đảng và Tổng Bí thư từ năm 1930 đến nay.

Với hơn 400 trang, cuốn sách trình bày lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam theo từng giai đoạn:

- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945);
- Đảng lãnh đạo công cuộc kháng chiến kiến quốc (1945 - 1954);
- Đảng lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam (1954 - 1975);
- Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam độc lập, thống nhất và XHCN (1975 - 1986);
- Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới (1986 - 2020).

2. Danh nhân quân sự Việt Nam.-H.: Quân đội nhân dân; 21cm.

Trải qua hàng nghìn năm dựng nước và giữ nước, dân tộc Việt Nam phải thường xuyên đương đầu với nhiều thế lực xâm lược. Để chiến thắng những kẻ thù có tiềm lực kinh tế, quân sự to lớn, đông quân và thiện chiến, dân tộc ta không ngừng vươn lên, phát huy cao độ ý chí kiên cường, trí tuệ tài ba và năng lực sáng tạo, thực hành kháng chiến toàn dân, toàn diện cả nước đánh giặc. Qua mỗi thời kỳ, mỗi cuộc kháng chiến, thời nào dân tộc ta cũng có những anh hùng hào kiệt, nhiều tướng lĩnh tài năng, có nhiều công hiến trong công cuộc dựng nước, giữ nước, chống giặc ngoại xâm, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, để lại nhiều kinh nghiệm và bài học sâu sắc cho các thế hệ mai sau. Bộ sách ***Danh nhân quân sự Việt Nam*** của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam do Nhà xuất bản Quân đội nhân dân xuất bản, là một công trình nhiều tập, viết về các danh nhân quân sự Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.

Bộ sách góp phần nhỏ tôn vinh công lao, cống hiến và sự ghi nhận của Đảng, Nhà nước, nhân dân và quân đội đối với các danh nhân quân sự, đồng thời, làm phong phú thêm kho tàng lý luận cách mạng của dân tộc và việc nghiên cứu lịch sử quân sự dân tộc Việt Nam trong thời đại mới. Đồng thời, góp phần phổ biến, giáo dục truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc, của cách mạng, của Đảng trong nhân dân và lực lượng vũ trang; khơi gợi và phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng, ý chí độc lập tự chủ, tự

lực tự cường, trí thông minh sáng tạo của quân và dân ta trong sự nghiệp đổi mới hiện nay, đặc biệt là thế hệ trẻ Việt Nam.

Tập đầu tiên được xuất bản vào năm 2004, viết về các danh nhân quân sự Việt Nam từ buổi đầu dựng nước, giữ nước từ thời An Dương Vương (thế kỷ III trước Công nguyên), đến nay đã xuất bản đến tập 8 (2019) viết về các danh nhân quân sự trong thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa (thế kỷ XX). Trong mỗi tập, các bài viết được các tác giả tổng hợp từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau để phân tích, đối chiếu, so sánh; trình bày những công hiến, hoạt động quân sự nổi bật của từng danh nhân quân sự. Bộ sách gồm:

Tập 1: Lê Văn Thái chủ biên. 2004. - 309tr.

LC 6718

Tập 1 viết về những danh nhân quân sự từ thời An Dương Vương đến thời Trần như: Trưng Trắc, Lê Chân, Bà Triệu, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Mai Thúc Loan, Trần Thủ Độ, Trần Quốc Tuấn, Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải, Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái, Trần Khát Chân...

Tập 2: Lê Văn Thái chủ biên. 2006. - 367tr.

LC 8122

Tập 2 viết về những danh nhân quân sự từ thời Nhà Hồ đến triều đại Tây Sơn như: Đặng Dung, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Đinh Lễ, Trần Nguyên Hãn, Đinh Liệt, Đào Duy Từ, Nguyễn Huệ, Ngô Thị Nhậm, Đặng Tiến Đông, Bùi Thị Xuân...

Tập 3: Lê Văn Thái chủ biên. 2008. - 371tr.

65573

Tập 3 viết về những danh nhân quân sự từ sau Triều đại Tây Sơn đến cuối phong trào Cần Vương, chống thực dân Pháp xâm lược, tiêu biểu là Nguyễn Tri Phương, Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân, Tôn Thất Thuyết, Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Đinh Công Tráng, Nguyễn Thiện Thuật...

Tập 4: Lê Văn Thái chủ biên. 2012. - 397tr.

71268

Viết về những danh nhân quân sự cùng với các hoạt động quân sự tiêu biểu từ khởi nghĩa Yên Thế (1884-1913) đến khởi nghĩa Yên Bái (1930), tiêu biểu là Hoàng Hoa Thám, Phan Bội Châu, Lương Ngọc Quyến, Đội Cấn, Nguyễn Thái Học, Nguyễn Khắc Nhu, Phó Đức Chính, Đội Cung... Do các tập tiếp theo viết về các danh nhân quân sự hoạt động và công hiến trong thời kỳ cách mạng do Đảng ta lãnh đạo nên Đội Cung - người khởi xướng và chỉ huy cuộc binh biến Đô Lương (1941) đưa lên tập này.

Tập 5: Lê Văn Thái chủ biên. 2014. - 254tr.

75094

Viết về những người yêu nước, cách mạng, có nhiều đóng góp vào việc xây dựng đường lối quân sự trong thời kỳ Đảng mới thành lập, tiêu biểu là các đồng chí Trần Phú, Lê Hồng Phong và những người trực tiếp cầm quân, chỉ huy chiến đấu lập nhiều chiến

công trong khởi nghĩa vũ trang cũng như trong thời kỳ đầu kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, tiêu biểu là các đồng chí Phùng Chí Kiên, Nguyễn Bình, Nguyễn Sơn, Hoàng Sâm... Trong tập 5 hai đồng chí Trần Phú và Lê Hồng Phong xếp lên trước, những danh nhân khác xếp theo trật tự A, B, C; cuối mỗi bài là tài liệu tham khảo về danh nhân đó.

Tập 6: Lê Văn Thái chủ biên. 2015. - 414tr.

76362

Viết về những danh nhân quân sự có cống hiến nổi bật trên các mặt hoạt động quân sự như lý luận quân sự, tổ chức lực lượng, tham mưu, chỉ huy chiến đấu, khoa học và nghệ thuật quân sự... như: Nguyễn Chánh, Cao Văn Khánh, Trần Đại Nghĩa, Lê Trọng Tấn, Hoàng Văn Thái, Nguyễn Chí Thanh, Đàm Quang Trung, Vương Thừa Vũ. Thứ tự các danh nhân được xếp theo trật tự A, B, C và được trình bày theo trình tự, đi từ hoàn cảnh xuất thân đến quá trình trưởng thành, hoạt động, cống hiến về quân sự, gắn liền với hoàn cảnh lịch sử cụ thể và các nhân vật khác có liên quan; đưa ra những nhận định, đánh giá khách quan, khoa học những cống hiến của danh nhân đó.

Tập 7: Đỗ Ngọc Tuyên chủ biên. 2018.- 527tr.

VN.0080791

Viết về về cuộc đời, sự nghiệp và những cống hiến nổi bật trong hoạt động quân sự của các danh nhân quân sự Việt Nam như: Nguyễn Hữu An, Nguyễn Văn Bứa, Văn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Định, Trần Quý Hai, Lê Quang Hòa, Vũ Lăng, Tạ Xuân Thu. Về thứ tự, các danh nhân được xếp theo trật tự A,B,C.

Tập 8: Trần Anh Tuấn chủ biên. 2019.- 427tr.

VN.0080913

Viết về những danh nhân quân sự có đóng góp trên các mặt hoạt động xây dựng lý luận quân sự, tổ chức lực lượng, tham mưu, chỉ huy chiến đấu, khoa học và nghệ thuật quân sự,... như: Lê Quảng Ba, Nguyễn Danh Đề, Bằng Giang, Song Hào, Đỗ Xuân Hợp, Đoàn Khuê, Phạm Kiệt, Lê Hiến Mai. Thứ tự các danh nhân được xếp theo trật tự A,B,C và được trình bày theo trình tự từ hoàn cảnh xuất thân, quá trình trưởng thành, hoạt động và những cống hiến về lý luận, thực tiễn của từng danh nhân trên các lĩnh vực quân sự, quốc phòng mà danh nhân tham gia, đồng thời, đưa ra những nhận định, đánh giá khách quan, khoa học những cống hiến của các danh nhân đó.

3. Việt Nam - Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm.- H.: Quân đội nhân dân; 20cm.

Cuộc đấu tranh giữ nước, chống ngoại xâm là sợi chỉ đỏ xuyên suốt, chạy dọc theo chiều dài lịch sử dân tộc, vừa thử thách, vừa tôi luyện, tạo cho dân tộc ta một ý chí kiên cường, một bản lĩnh vững vàng, một sức sống bền bỉ. Nhìn lại lịch sử hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, không kể những cuộc chiến đấu mang tính huyền thoại như Thánh Gióng đánh giặc Ân, Hùng Vương chống giặc Mũi Đỏ,... từ cuối thế kỷ III, trước Công nguyên đến nay, nhân dân ta đã tiến hành 21 cuộc kháng chiến chống giặc

ngoại xâm. Trong suốt quá trình dựng xây đất nước, dân tộc ta phải luôn luôn ở trong tư thế sẵn sàng chống ngoại xâm và phải liên tiếp đương đầu với nhiều cuộc chiến tranh xâm lược, phần lớn là của những quốc gia lớn mạnh, những đế quốc cường bạo. Đó thực sự là những trang sử vàng, để lại nhiều di sản quý giá.

Bộ sách *Việt Nam - Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm* là một bộ sách riêng biệt, chuyên sâu và có hệ thống về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 do Viện Lịch sử quân sự Việt Nam biên soạn, gồm 3 tập:

Tập 1: Từ thế kỷ III Tr.CN đến nửa đầu thế kỷ X.- 2014.- 371tr.

75976

Trình bày 7 cuộc kháng chiến trong lịch sử Việt Nam, từ buổi đầu dựng nước đến hết thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc từ thế kỷ III trước Công nguyên đến nửa đầu thế kỷ X, gồm: Cuộc kháng chiến chống Tần (214-208 Tr.CN); cuộc kháng chiến chống Nam Việt (181-179 Tr.CN); cuộc kháng chiến chống Đông Hán (42-44); cuộc kháng chiến chống Lương (545-550); cuộc kháng chiến chống Tùy (603); cuộc kháng chiến chống Nam Hán (930-931); cuộc kháng chiến chống Nam Hán (938). Riêng cuộc kháng chiến chống Đường (791) không được trình bày vì hiện chưa có đủ tư liệu để nghiên cứu, phục dựng, đánh giá như các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm khác.

Tập 2: Từ giữa thế kỷ X đến thế kỷ XIII. 2017.- 506tr.

LC.0014357

Trình bày 5 cuộc kháng chiến trong lịch sử Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến thế kỷ XIII, gồm cuộc kháng chiến chống Tống (980-981); cuộc kháng chiến chống Tống (1075-1077); cuộc kháng chiến chống Mông Cổ (1258); cuộc kháng chiến chống Nguyên (1285); cuộc kháng chiến chống Nguyên (1287-1288).

Tập 3: Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX/ Công Phương Khương chủ biên. 2019.- 415tr.

VN.0080920

Trình bày 4 cuộc kháng chiến trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX, gồm: cuộc kháng chiến chống Minh (1406 - 1785); cuộc kháng chiến chống Xiêm (1748 - 1785); cuộc kháng chiến chống Thanh (1788 - 1789); cuộc kháng chiến chống Pháp (1858 - 1884). Cuốn sách đã phục dựng toàn diện về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm đặt trong bối cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam dưới sự quản lý của các vương triều Hồ, Tây Sơn và Nguyễn. Đối mặt với những thế lực xâm lược lớn mạnh, trong điều kiện tương quan lực lượng chênh lệch, các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, trong đó có hai lần thành công (kháng chiến chống Xiêm, kháng chiến chống Thanh) và hai lần thất bại (kháng chiến chống Minh, kháng chiến chống Pháp) đều biểu hiện sự tập hợp, quy tụ sức mạnh toàn dân, kết tinh sức sống của toàn dân tộc, đánh dấu những bước trưởng thành vượt bậc trong tiến trình lịch sử. Đồng thời, những cuộc kháng chiến cũng có những tác động lớn đến sự phát triển chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... của các quốc gia Đại Ngu,

Đại Việt, Đại Nam. Đó là cách nhìn biện chứng về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm trong lịch sử Việt Nam từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX.

4. Đặc trưng văn hóa Mỹ và sự tác động tới chính sách đối ngoại của Mỹ: Sách tham khảo/ Nguyễn Thái Yên Hương chủ biên.- H.: Chính trị Quốc gia, 2018.- 311tr.; 21cm.

VN.0080876

Đặc trưng văn hóa Mỹ ở đây được xét ở các khía cạnh như quan điểm, phong tục, tập quán, văn hóa, chính trị, kinh tế... mang đặc trưng riêng của người Mỹ. Bên cạnh đó, Mỹ còn nổi tiếng với những giá trị khác như: bình đẳng, tự do và dân chủ. Các giá trị đó đều mang tính tích cực xét về góc độ văn hóa - chính trị và được nhân loại chia sẻ, nhưng cách thức Mỹ sử dụng các đặc trưng đó như thế nào trong chính sách đối ngoại đã và đang đặt ra những vấn đề mới cho cộng đồng thế giới phải quan tâm và bàn luận để ứng phó một cách linh hoạt và hiệu quả trong xây dựng và phát triển mối quan hệ với Mỹ. Do đó, việc xem xét các đặc trưng văn hóa Mỹ trong chính sách đối ngoại của Mỹ với các quốc gia và ngược lại là vấn đề cấp thiết và được chú ý trong nghiên cứu quan hệ quốc tế của các nước nói chung và của Việt Nam nói riêng. Cuốn sách giúp bạn đọc hiểu hơn về lịch sử hình thành các đặc trưng văn hóa Mỹ cũng như ảnh hưởng nó trong chính sách đối ngoại của Mỹ với các nước, trong đó có Việt Nam.

THƯ VIỆN QUÂN ĐỘI - 83 LÝ NAM ĐẾ - HÀ NỘI

Điện thoại: 069.554546

● **GIỜ MỞ CỬA:**

- Sáng: 7h30 – 11h30
- Chiều: 13h00 – 16h30
- Nghỉ: Chủ nhật, ngày lễ

● **PHỤC VỤ:**

- Đọc, mượn, sao chụp, quét tài liệu, trả lời yêu cầu bạn đọc.

- Biên soạn và phát hành các ấn phẩm: *Thư mục thông báo tài liệu mới, Thư mục chuyên đề, Tài liệu phục vụ nghiên cứu, Thư mục giới thiệu sách cấp phát trong quân đội.*

- Cung cấp sách cho các đơn vị trong toàn quân.

● **ĐỐI TƯỢNG:**

- **Đọc:** Rộng rãi.
- **Mượn:** Cán bộ quân đội công tác tại Hà Nội.
Cán bộ cấp tá nghỉ hưu tại Hà Nội.